TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY,** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Phạm Văn Sang
- Ông Huỳnh Khắc Chung

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***:** Bà Dương Thị Hằng Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 637/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị C, sinh năm 1969 (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp HT, xã HX, huyện CL, tỉnh TiG.
- *Bị đơn*: Ông Văn Công Q, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp HT, xã HX, huyện CL, tỉnh TiG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2019, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày: Bà và ông Văn Công Q tự tìm hiểu quen biết sau đó tổ chức đám cưới và chung sống từ tháng 7 năm 1986, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 9 năm 2011 thì ly thân đến nay, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q; Con chung: có 03 con chung tên Văn Công B, sinh ngày 12/7/1988, Văn Công T, sinh ngày 17/4/1992 và Văn Công L, sinh ngày 25/5/1994, các con chung đều đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; nợ chung: không có.

Bị đơn ông Văn Công Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn ông Văn Công Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị C khởi kiện ly hôn bị đơn ông Văn Công Q, ông Q có địa chỉ cư trú tại ấp HT, xã HX, huyện CL, tỉnh TiG. Căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị C và ông Văn Công Q tự tìm hiểu quen biết sau đó tổ chức lễ cưới và sống chung từ tháng 7 năm 1986, đến nay tuy không đi đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Q được pháp luật công nhận là hôn nhân thực tế và xem là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà C đã thật sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắng đoàn tụ. Bởi lẽ, theo bà C trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ đến tháng 9/2011 thì phát sinh mâu thuẫn và đã tự sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm lẫn nhau. Riêng đối với ông Q, từ khi được Tòa án thông báo về việc bà C ly hôn ông vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với bà C nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Q và bà C thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông, bà ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà C và ông Q có 03 con chung tên Văn Công B, sinh ngày 12/7/1988, Văn Công T, sinh ngày 17/4/1992 và Văn Công L, sinh ngày 25/5/1994, các con chung đều đã trưởng thành, lao động được và đương sự không yêu cầu giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà C khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C. Cho bà Lê Thị C được ly hôn ông Văn Công Q.

2 - Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 17410 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong.

3 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4 - Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Hội Xuân, CL, TG
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan